



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 291 + 292

Ngày 01 tháng 6 năm 2025

MỤC LỤC

Trang

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

29-4-2025- Quyết định số 64/2025/QĐ-UBND về việc chuyển một số chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật thuộc chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của Sở Nội vụ cho Ban Quản lý Khu công nghệ cao Thành phố, Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố.

4

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ

03-4-2025- Quyết định số 04/2025/QĐ-UBND bãi bỏ Quyết định số 01/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của Ủy ban nhân dân xã Thạnh An về ban hành quy chế thực hiện dân chủ ở xã Thạnh An.

9

- 03-4-2025- Quyết định số 05/2025/QĐ-UBND bãi bỏ Quyết định số 01/2024/QĐ-UBND ngày 23/12/2024 của Ủy ban nhân dân xã An Thới Đông về ban hành quy chế thực hiện dân chủ ở xã An Thới Đông. 11
- 03-4-2025- Quyết định số 06/2025/QĐ-UBND bãi bỏ Quyết định số 01/2024/QĐ-UBND ngày 26/12/2024 của Ủy ban nhân dân xã Bình Khánh về ban hành quy chế thực hiện dân chủ xã Bình Khánh. 13
- 03-4-2025- Quyết định số 07/2025/QĐ-UBND bãi bỏ Quyết định số 01/2024/QĐ-UBND ngày 25/12/2024 của Ủy ban nhân dân xã Lý Nhơn về ban hành quy chế thực hiện dân chủ xã Lý Nhơn. 15
- 03-4-2025- Quyết định số 08/2025/QĐ-UBND bãi bỏ Quyết định số 01/2024/QĐ-UBND ngày 24/12/2024 của Ủy ban nhân dân xã Tam Thôn Hiệp về ban hành quy chế thực hiện dân chủ xã Tam Thôn Hiệp. 17
- 03-4-2025- Quyết định số 09/2025/QĐ-UBND bãi bỏ Quyết định số 01/2024/QĐ-UBND ngày 23/12/2024 của Ủy ban nhân dân thị trấn Cần Thạnh về ban hành quy chế thực hiện dân chủ ở thị trấn Cần Thạnh. 19

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- 31-3-2025- Quyết định số 1236/QĐ-UBND về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng. 21

- 31-3-2025- Quyết định số 1249/QĐ-UBND về việc công bố danh
mục thủ tục hành chính lĩnh vực bưu chính thuộc phạm
vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ. 63

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 64/2025/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chuyển một số chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định
của pháp luật thuộc chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của Sở Nội vụ
cho Ban Quản lý Khu công nghệ cao Thành phố, Ban Quản lý
các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 2 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Bộ luật Lao động ngày 20 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc
hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc
hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính
phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành
Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính
phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về
điều kiện lao động và quan hệ lao động;

Căn cứ Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Chính
phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng,

quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam; Nghị định số 70/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyên dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 2119/TTr-SNV ngày 14 tháng 4 năm 2025 và Báo cáo thẩm định số 6307/BC-STP-KTrVB ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Sở Tư pháp; ý kiến thống nhất của Thành viên Ủy ban nhân dân Thành phố;

Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định về việc chuyển một số chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật thuộc chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của Sở Nội vụ cho Ban Quản lý Khu công nghệ cao Thành phố, Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định việc chuyển một số chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật thuộc chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của Sở Nội vụ cho Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố, Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố để tổ chức thực hiện trong các khu chế xuất, khu công nghiệp, khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Đối tượng áp dụng

- a) Sở Nội vụ;
- b) Ban Quản lý Khu công nghệ cao Thành phố;
- c) Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố;
- d) Các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp hoạt động trong khu chế xuất, khu công nghiệp, khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Chuyển một số chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Nội vụ trong lĩnh vực lao động, việc làm cho Ban Quản lý Khu công nghệ cao Thành phố, Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố

1. Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố

a) Tiếp nhận báo cáo giải trình của doanh nghiệp về nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng người nước ngoài đối với từng vị trí công việc mà người Việt Nam chưa đáp ứng được; có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận về việc sử dụng người lao động nước ngoài đối với từng vị trí công việc.

b) Cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi giấy phép lao động và xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc.

c) Tiếp nhận báo cáo tình hình sử dụng người lao động nước ngoài.

2. Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố

a) Tiếp nhận báo cáo giải trình của doanh nghiệp về nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng người nước ngoài đối với từng vị trí công việc mà người Việt Nam chưa đáp ứng được; có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận về việc sử dụng người lao động nước ngoài đối với từng vị trí công việc;

b) Cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi giấy phép lao động và xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc.

c) Tiếp nhận báo cáo tình hình sử dụng người lao động nước ngoài.

d) Tiếp nhận thỏa ước lao động tập thể của các doanh nghiệp.

Điều 3. Trách nhiệm, quyền hạn của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố, Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố

1. Thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao đối với các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trong khu chế xuất, khu công nghiệp, khu công nghệ cao theo quy định tại Điều 2 Quyết định này. Việc thực hiện các công việc được giao phải tuân thủ quy định pháp luật chuyên ngành có liên quan đến lĩnh vực được giao và phù hợp với quy định tại văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành; không được giao lại cho cơ quan, tổ chức, cá nhân khác thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đã được Ủy ban nhân dân Thành phố giao.

2. Được sử dụng con dấu của Ban Quản lý Khu công nghệ cao Thành phố, Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được Ủy ban nhân dân Thành phố giao nhiệm vụ.

3. Chuẩn bị các nguồn lực cần thiết để đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ được

giao tại Điều 2 Quyết định này.

4. Tổ chức thông tin rộng rãi các nội dung được giao cho các tổ chức, cá nhân hoạt động trong khu công nghệ cao được biết và phối hợp thực hiện.

5. Chấp hành kế hoạch kiểm tra về các nội dung được giao nhiệm vụ.

Điều 4. Trách nhiệm, quyền hạn của Sở Nội vụ

1. Tổng hợp báo cáo định kỳ, đột xuất đối với các nhiệm vụ chuyển cho Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố, Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố báo cáo Bộ Nội vụ, Ủy ban nhân dân Thành phố và các cơ quan có liên quan theo quy định.

2. Thông tin các quy định mới có liên quan đến nhiệm vụ được chuyển giao để Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố, Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố cập nhật, điều chỉnh. Phối hợp với Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố, Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố thực hiện tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật lao động.

3. Chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị có liên quan đề ra soát, tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố công bố danh mục thủ tục hành chính đối với nội dung chuyển một số chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Nội vụ cho Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố, Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố (nếu có) sau khi ban hành Quyết định này.

4. Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố kiểm tra, theo dõi việc triển khai thực hiện các nội dung tại Quyết định này.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nội vụ có trách nhiệm chuyển giao nhiệm vụ cho Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố, Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban nhân dân Thành phố ký ban hành quyết định này.

2. Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố, Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố:

a) Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân Thành phố về việc thực hiện các nội dung thuộc phạm vi nhiệm vụ được giao nêu tại Điều 2 Quyết định này theo quy định pháp luật.

b) Tổ chức sắp xếp, bố trí các nguồn lực để thực hiện các nội dung đã được giao.

c) Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ được chuyển giao chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo định kỳ 6 tháng và cả năm hoặc đột xuất (khi có yêu cầu) gửi Sở Nội vụ để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2025 đến hết ngày 15 tháng 5 năm 2030.

Điều 7. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với báo cáo giải trình nhu cầu sử dụng lao động nước ngoài, hồ sơ đề nghị xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động; cấp, cấp lại, gia hạn giấy phép lao động mà người sử dụng lao động nước ngoài đã nộp cho Sở Nội vụ trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì Sở Nội vụ tiếp tục giải quyết theo quy định.

2. Các trường hợp đã được thẩm định và có văn bản chấp thuận nhu cầu sử dụng lao động nước ngoài; được cấp, cấp lại, gia hạn giấy phép lao động; được xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục sử dụng theo các văn bản đã được cơ quan có thẩm quyền cấp, trường hợp văn bản có quy định thời hạn thì thực hiện đến khi hết hạn.

Điều 8. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính, Trưởng ban Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố, Trưởng ban Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố và các tổ chức, các nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Võ Văn Hoan

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIỜ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 04/2025/QĐ-UBND

Cần Giờ, ngày 03 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Bãi bỏ Quyết định số 01/2024/QĐ-UBND
ngày 20/12/2024 của Ủy ban nhân dân xã Thạnh An về
ban hành quy chế thực hiện dân chủ ở xã Thạnh An**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở ngày 10 tháng 11 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tư pháp tại Tờ trình số 302/TTr-TP ngày 02 tháng 4 năm 2025; ý kiến thẩm định tại Báo cáo số 296/BC-TP ngày 02 tháng 4 năm

2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ Quyết định

Bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 01/2024/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân xã Thạnh An về ban hành quy chế thực hiện dân chủ ở xã Thạnh An.

Lý do: Thảm quyền ban hành văn bản không còn phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực từ ngày 13 tháng 4 năm 2025.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng phòng Tư pháp, Trưởng phòng Nội vụ, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Hồng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIỜ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 05/2025/QĐ-UBND

Cần Giờ, ngày 03 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Bãi bỏ Quyết định số 01/2024/QĐ-UBND
ngày 23/12/2024 của Ủy ban nhân dân xã An Thới Đông về
ban hành quy chế thực hiện dân chủ ở xã An Thới Đông**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở ngày 10 tháng 11 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tư pháp tại Tờ trình số 302/TTr-TP ngày 02 tháng 4 năm 2025; ý kiến thẩm định tại Báo cáo số 297/BC-TP ngày 02 tháng 4 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ Quyết định**

Bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 01/2024/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân xã An Thới Đông về ban hành quy chế thực hiện dân chủ ở xã An Thới Đông.

Lý do: Thẩm quyền ban hành văn bản không còn phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực từ ngày 13 tháng 4 năm 2025.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng phòng Tư pháp, Trưởng phòng Nội vụ, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Hồng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIỜ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 06/2025/QĐ-UBND

Cần Giờ, ngày 03 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Bãi bỏ Quyết định số 01/2024/QĐ-UBND
ngày 26/12/2024 của Ủy ban nhân dân xã Bình Khánh về
ban hành quy chế thực hiện dân chủ xã Bình Khánh**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở ngày 10 tháng 11 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tư pháp tại Tờ trình số 302/TTr-TP ngày 02 tháng 4 năm 2025; ý kiến thẩm định tại Báo cáo số 301/BC-TP ngày 02 tháng 4 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ Quyết định**

Bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 01/2024/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân xã Bình Khánh về ban hành quy chế thực hiện dân chủ ở xã Bình Khánh.

Lý do: Thẩm quyền ban hành văn bản không còn phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực từ ngày 13 tháng 4 năm 2025.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng phòng Tư pháp, Trưởng phòng Nội vụ, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Hồng

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIỜ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 07/2025/QĐ-UBND

Cần Giờ, ngày 03 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Bãi bỏ Quyết định số 01/2024/QĐ-UBND
ngày 25/12/2024 của Ủy ban nhân dân xã Lý Nhơn về
ban hành quy chế thực hiện dân chủ xã Lý Nhơn**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở ngày 10 tháng 11 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tư pháp tại Tờ trình số 302/TTr-TP ngày 02 tháng 4 năm 2025; ý kiến thẩm định tại Báo cáo số 300/BC-TP ngày 02 tháng 4 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ Quyết định**

Bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 01/2024/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân xã Lý Nhơn về ban hành quy chế thực hiện dân chủ ở xã Lý Nhơn.

Lý do: Thẩm quyền ban hành văn bản không còn phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực từ ngày 13 tháng 4 năm 2025.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng phòng Tư pháp, Trưởng phòng Nội vụ, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Hồng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIỜ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 08/2025/QĐ-UBND

Cần Giờ, ngày 03 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Bãi bỏ Quyết định số 01/2024/QĐ-UBND
ngày 24/12/2024 của Ủy ban nhân dân xã Tam Thôn Hiệp về
ban hành quy chế thực hiện dân chủ xã Tam Thôn Hiệp**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở ngày 10 tháng 11 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tư pháp tại Tờ trình số 302/TTr-TP ngày 02 tháng 4 năm 2025; ý kiến thẩm định tại Báo cáo số 299/BC-TP ngày 02 tháng 4 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ Quyết định**

Bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 01/2024/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân xã Tam Thôn Hiệp về ban hành quy chế thực hiện dân chủ ở xã Tam Thôn Hiệp.

Lý do: Thẩm quyền ban hành văn bản không còn phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực từ ngày 13 tháng 4 năm 2025.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng phòng Tư pháp, Trưởng phòng Nội vụ, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Hồng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIỜ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 09/2025/QĐ-UBND

Cần Giờ, ngày 03 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Bãi bỏ Quyết định số 01/2024/QĐ-UBND
ngày 23/12/2024 của Ủy ban nhân dân thị trấn Cần Thạnh về
ban hành quy chế thực hiện dân chủ ở thị trấn Cần Thạnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở ngày 10 tháng 11 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tư pháp tại Tờ trình số 302/TTr-TP ngày 02 tháng 4 năm 2025; ý kiến thẩm định tại Báo cáo số 298/BC-TP ngày 02 tháng 4 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ Quyết định**

Bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 01/2024/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thị trấn Cần Thạnh về ban hành quy chế thực hiện dân chủ ở thị trấn Cần Thạnh.

Lý do: Thẩm quyền ban hành văn bản không còn phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực từ ngày 13 tháng 4 năm 2025.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng phòng Tư pháp, Trưởng phòng Nội vụ, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Hồng

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1236/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật
sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính
quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 984/TTr-SXD-VP ngày
26 tháng 3 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 16 thủ tục hành chính nội bộ trong hệ
thống hành chính nhà nước được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý
của Sở Xây dựng.

Danh mục và nội dung chi tiết của thủ tục hành chính nội bộ được đăng tải trên
Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ
<https://hochiminhcity.gov.vn/chinhquyen> (CÔNG BỐ TTHC, THỦ TỤC HÀNH
CHÍNH, TTHC nội bộ).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ nội dung công bố cho các thủ tục tại:

- Quyết định số 5948/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Quy hoạch - Kiến trúc;
- Quyết định số 278/QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Quy hoạch - Kiến trúc.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Sở Xây dựng, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, quận, huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Võ Văn Hoan

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ TRONG HỆ THỐNG
HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG
QUẢN LÝ CỦA SỞ XÂY DỰNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1236/QĐ-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
A. Thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng			
1.	Xây dựng Báo cáo thẩm định nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật đối với đô thị loại đặc biệt	Quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị	Sở Xây dựng
2.	Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch xây dựng, quy hoạch chung đô thị thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh	Quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị	Sở Xây dựng
3.	Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch phân khu thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh	Quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị	Sở Xây dựng
4.	Phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết đô thị thuộc thẩm của UBND cấp tỉnh	Quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị	Sở Xây dựng
5.	Thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chung thành phố, thị xã, đô thị loại IV trở lên chưa công nhận là thành phố, thị xã; đô thị mới dự kiến là thành phố, thị xã thuộc tỉnh	Quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị	Sở Xây dựng
6.	Thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch chung thị trấn, đô thị loại V chưa công nhận là thị trấn và đô thị mới loại V	Quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị	Sở Xây dựng

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
7.	Thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch phân khu đô thị thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh	Quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị	Sở Xây dựng
8.	Phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết đô thị thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh	Quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị	Sở Xây dựng
9.	Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình không theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh	Quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị	Sở Xây dựng
10.	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình không theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh	Quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị	Sở Xây dựng
11.	Thẩm định nhiệm vụ thiết kế đô thị riêng thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh	Quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị	Sở Xây dựng
12.	Văn bản ý kiến đối với Ủy ban nhân dân quận/huyện, Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp, Ban Quản lý Khu công nghệ cao trong quá trình phê duyệt quy hoạch đô thị	Quy hoạch đô thị, quy hoạch - xây dựng	Sở Xây dựng
B. Thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện			
1.	Phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết đô thị thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện	Quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị	UBND cấp huyện
2.	Phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết đô thị thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện	Quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị	UBND cấp huyện

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
3.	Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình không theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện	Quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị	UBND cấp huyện
4.	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình không theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện	Quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị	UBND cấp huyện

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Tên TTHC: Xây dựng Báo cáo thẩm định nhiệm vụ và đề án quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật đối với đô thị loại đặc biệt

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Thực hiện văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Xây dựng căn cứ Điều 18, Điều 36 Luật Quy hoạch đô thị 2009 gửi văn bản đề nghị các đối tượng của quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật đô thị đề nghị lập báo cáo gửi về Sở Xây dựng tổng hợp.

- Bước 2: Sở Xây dựng tổng hợp báo cáo trình Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo Bộ Xây dựng.

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tuyến qua Hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc liên thông.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Văn bản báo cáo.

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND Thành phố

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Xây dựng

- Cơ quan phối hợp thực hiện thủ tục hành chính: Sở ban ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản báo cáo

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai, mẫu quyết định: Không quy định

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Quy hoạch đô thị 2009;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch;

- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

2. Tên TTHC: Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch xây dựng, quy hoạch chung đô thị thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh

a) Trình tự thực hiện:

Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật Xây dựng 2014 được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 9 Điều 28 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch 2018 và được bổ sung bởi điểm a khoản 7 Điều 1 Luật Xây dựng sửa đổi 2020; khoản 2 điều 44 Luật Quy hoạch đô thị 2009 được sửa đổi bởi khoản 7 Điều 29 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch 2018; khoản 1, khoản 2 Điều 13 Quyết định số 50/2011/QĐ-UBND về việc lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bước 1: Các cơ quan, tổ chức được UBND Thành phố phân công, giao nhiệm vụ gửi hồ sơ đến Sở Xây dựng.

- Bước 2: Sở Xây dựng thẩm định hồ sơ, đối chiếu với các quy định hiện hành để gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan quản lý nhà nước về những lĩnh vực liên quan đến quy hoạch (nếu cần thiết). Căn cứ các quy định hiện hành để tham mưu việc tổ chức thẩm định phê duyệt quy hoạch, đồng thời căn cứ vào ý kiến các cơ quan có liên quan, Hội đồng thẩm định để có văn bản gửi cơ quan, tổ chức trình thẩm định để hoàn chỉnh nhiệm vụ quy hoạch.

- Bước 3: Sở Xây dựng tham mưu văn bản báo cáo thẩm định và dự thảo quyết định trình UBND Thành phố phê duyệt.

- Bước 4: UBND Thành phố lấy ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng đối với đề án quy hoạch chung đô thị loại II, III, IV và đô thị mới.

- Bước 5: Sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng, UBND Thành phố ban hành quyết định phê duyệt.

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

Thành phần: Theo quy định tại Điều 5 và Điều 24 Thông tư 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đề án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.

Số lượng: 03 bộ

d) Thời hạn giải quyết: Thời gian thẩm định nhiệm vụ không quá 20 ngày và thời gian phê duyệt nhiệm vụ không quá 15 ngày (*Theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP* 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị).

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan tổ chức được UBND Thành phố giao thực hiện.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND Thành phố.
- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Xây dựng.
- Cơ quan phối hợp thực hiện thủ tục hành chính: UBND các cấp, Sở ban ngành, các tổ chức đoàn thể chính quyền có liên quan.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch

h) Phí, lệ phí (nếu có): theo quy định tại Thông tư số 35/2023/TT-BTC 35/2023/TT-BTC ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định các đồ án quy hoạch.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai, mẫu quyết định: không quy định

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: không quy định

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Quy hoạch đô thị 2009;
- Luật Xây dựng 2014;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch 2018;
- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;
- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/08/2019 của Chính phủ sửa đổi Nghị định 37/2010/NĐ-CP về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định 44/2015/NĐ-CP hướng dẫn về quy hoạch xây dựng;
- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/06/2023 của Chính phủ sửa đổi các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

- Thông tư 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng về quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

- Thông tư số 35/2023/TT-BTC ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định các đồ án quy hoạch;

- Quyết định số 50/QĐ-UBND ngày 12/7/2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Tên TTHC: Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch phân khu thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh

a) Trình tự thực hiện:

Căn cứ quy định tại khoản 2, Điều 41 và khoản 2, Điều 44 Luật quy hoạch đô thị 2009; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch 2018; khoản 1 Điều 12 và khoản 2 Điều 13 Quyết định số 50/QĐ-UBND ngày 12/7/2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bước 1: Cơ quan tổ chức lập nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch nộp hồ sơ tại Sở Xây dựng.

- Bước 2: Sở Xây dựng thẩm định hồ sơ trình Ủy ban nhân Thành phố phê duyệt.

- Bước 3: Ủy ban nhân dân Thành phố ra quyết định phê duyệt.

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp và trực tuyến qua Hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc liên thông.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Theo Điều 9 Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và đồ án quy hoạch vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn. Bao gồm:

d) Thời hạn giải quyết: Thẩm định là 20 ngày, phê duyệt: 15 ngày (*Theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị*)

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các cơ quan tổ chức lập nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch phân khu.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND Thành phố

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Xây dựng

- Cơ quan phối hợp thực hiện thủ tục hành chính: UBND cấp quận/huyện

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt đính kèm thuyết minh và bản vẽ.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Theo quy định tại Thông tư 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai, mẫu quyết định: Không quy định

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Quy hoạch đô thị năm 2009;
- Luật Quy hoạch năm 2017;
- Luật Xây dựng năm 2014, sửa đổi bổ sung ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;
- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;
- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13 tháng 5 năm 2013 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về nội dung thiết kế đô thị;
- Thông tư số 10/2016/TT-BXD ngày 15 tháng 3 năm 2016 quy định về cấm mốc giới và quản lý mốc giới theo quy hoạch xây dựng;
- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và đồ án quy hoạch vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.
- Quyết định số 50/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

- Quyết định số 62/2012/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về sửa đổi một số điều của Quyết định số 50/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 về việc lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Tên TTHC: Phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết đô thị thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh

a) Trình tự thực hiện:

Căn cứ quy định điểm 2 khoản 7 Điều 29 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch 2018.

- Bước 1: Sở Xây dựng thẩm định hồ sơ trình Ủy ban nhân Thành phố phê duyệt.

- Bước 2: Ủy ban nhân dân Thành phố ra quyết định phê duyệt.

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp và trực tuyến qua Hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc liên thông.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: 03 bộ hồ sơ Theo Quyết định số 2535/QĐ-UBND ngày 21/6/2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố

d) Thời hạn giải quyết: Phê duyệt: 15 ngày (theo Điều 32 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị, Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng).

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND Thành phố

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Xây dựng

- Cơ quan phối hợp thực hiện thủ tục hành chính: Không

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt đính kèm thuyết minh và bản vẽ.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Theo quy định tại Thông tư 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai, mẫu quyết định: không quy định

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: không quy định

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Quy hoạch đô thị năm 2009;
- Luật Xây dựng năm 2014;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch 2018;
- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;
- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010;
- Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;
- Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng;
- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về nội dung hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.

5. Tên TTHC: Thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chung thành phố, thị xã, đô thị loại IV trở lên chưa công nhận là thành phố, thị xã; đô thị mới dự kiến là thành phố, thị xã thuộc tỉnh

a) Trình tự thực hiện

Căn cứ quy định tại khoản 2, Điều 41 và khoản 2, Điều 44 Luật quy hoạch đô thị 2009, được sửa đổi bởi khoản 7 Điều 29 Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch 2018; khoản 1, Điều 12 và khoản 2, Điều 13 Quyết định số 50/QĐ-UBND ngày 12/7/2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bước 1: Các cơ quan, tổ chức được UBND Thành phố phân công, giao nhiệm vụ gửi hồ sơ đến Sở Xây dựng.

- Bước 2: Sở Xây dựng thẩm định hồ sơ, đối chiếu với các quy định hiện hành để gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan quản lý nhà nước về những lĩnh vực liên quan đến quy hoạch (nếu cần thiết). Căn cứ các quy định hiện hành để tham mưu việc tổ chức thẩm định phê duyệt quy hoạch, đồng thời căn cứ vào ý kiến các cơ quan có liên quan, Hội đồng thẩm định để có văn bản gửi cơ quan, tổ chức trình thẩm định để hoàn chỉnh nhiệm vụ quy hoạch.

- Bước 3: Sở Xây dựng tham mưu văn bản báo cáo thẩm định và dự thảo quyết định trình UBND Thành phố phê duyệt.

- Bước 4: UBND Thành phố lấy ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng đối với đồ án quy hoạch chung đô thị loại II, III, IV và đô thị mới .

- Bước 5: Sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng, UBND Thành phố ban hành quyết định phê duyệt.

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- **Thành phần:** theo quy định tại Điều 7 Thông tư 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.

- **Số lượng:** 03 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Thời gian thẩm định đồ án không quá 25 ngày, thời

gian phê duyệt đồ án không quá 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định (*Theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP* 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị).

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan tổ chức lập đồ án, đồ án điều chỉnh hoạch chung Thành phố, thị xã, đô thị loại IV trở lên chưa công nhận là thành phố, thị xã; đô thị mới dự kiến là thành phố, thị xã thuộc tỉnh.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND Thành phố.
- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Xây dựng
- Cơ quan phối hợp thực hiện thủ tục hành chính: UBND các cấp, Sở ban ngành, các tổ chức đoàn thể chính quyền có liên quan.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Quyết định phê duyệt đồ án quy hoạch

h) Phí, lệ phí (nếu có): Theo quy định tại Thông tư số 35/2023/TT-BTC 35/2023/TT-BTC ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định các đồ án quy hoạch.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai, mẫu quyết định: Không quy định

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Quy hoạch đô thị 2009;
- Luật Xây dựng 2014;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch 2018;
- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;
- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/08/2019 của Chính phủ sửa đổi Nghị định 37/2010/NĐ-CP về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định 44/2015/NĐ-CP hướng dẫn về quy hoạch xây dựng;
- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/06/2023 của Chính phủ sửa đổi các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn do Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành;

- Thông tư số 12/2023/TT-BXD ngày 20/11/2023 của Bộ Xây dựng Quy định về phân cấp tổ chức lập quy hoạch chung đô thị mới có quy mô dân số dự báo tương đương đô thị loại III trở lên;

- Thông tư số 35/2023/TT-BTC 35/2023/TT-BTC ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Bộ Tài chính.

6. Tên TTHC: Thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch chung thị trấn, đô thị loại V chưa công nhận là thị trấn và đô thị mới loại V

a) Trình tự thực hiện

Căn cứ quy định tại khoản 2, Điều 41 và khoản 2, Điều 44 Luật quy hoạch đô thị 2009 được sửa đổi bởi khoản 7 Điều 29 Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch 2018; khoản 1, Điều 12 và khoản 2, Điều 13 Quyết định số 50/QĐ-UBND ngày 12/7/2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bước 1: Các cơ quan, tổ chức được UBND Thành phố phân công, giao nhiệm vụ gửi bộ hồ sơ đến Sở Xây dựng.

- Bước 2: Sở Xây dựng thẩm định hồ sơ, đối chiếu với các quy định hiện hành để gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan quản lý nhà nước về những lĩnh vực liên quan đến quy hoạch (nếu cần thiết). Căn cứ các quy định hiện hành để tham mưu việc tổ chức thẩm định phê duyệt quy hoạch, đồng thời có trách nhiệm căn cứ vào ý kiến các cơ quan có liên quan, Hội đồng thẩm định để có văn bản gửi cơ quan, tổ chức trình thẩm định để hoàn chỉnh nhiệm vụ quy hoạch

- Bước 3: Sở Xây dựng tham mưu văn bản báo cáo thẩm định và dự thảo quyết định trình UBND Thành phố phê duyệt.

- Bước 4: UBND Thành phố lấy ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng đối với đồ án quy hoạch chung đô thị mới

- Bước 5: Sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng, UBND Thành phố ban hành quyết định phê duyệt

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

Thành phần: Theo quy định tại Điều 8 Thông tư 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.

Số lượng: 03 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Thời gian thẩm định đồ án không quá 25 ngày, thời gian phê duyệt đồ án không quá 15 ngày (*Theo quy định tại Điều 32 Nghị định số*

37/2010/NĐ-CP 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị)

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các cơ quan tổ chức lập đồ án điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn, đô thị loại V chưa công nhận là thị trấn và đô thị mới loại V

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND Thành phố.
- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Xây dựng.
- Cơ quan phối hợp thực hiện thủ tục hành chính: UBND các cấp, Sở ban ngành, các tổ chức đoàn thể chính quyền có liên quan.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Quyết định phê duyệt đồ án quy hoạch

h) Phí, lệ phí (nếu có): Theo quy định tại Thông tư số 35/2023/TT-BTC 35/2023/TT-BTC ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định các đồ án quy hoạch.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai, mẫu quyết định: Không quy định

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Quy hoạch đô thị 2009;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch 2018;
- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;
- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/08/2019 của Chính phủ sửa đổi Nghị định 37/2010/NĐ-CP về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định 44/2015/NĐ-CP hướng dẫn về quy hoạch xây dựng;
- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/06/2023 của Chính phủ sửa đổi các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;
- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng;

- Thông tư số 35/2023/TT-BTC 35/2023/TT-BTC ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định các đồ án quy hoạch.

7. Tên TTHC: Thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch phân khu đô thị thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh

a) Trình tự thực hiện:

Căn cứ quy định tại khoản 2, Điều 41 và khoản 2, Điều 44 Luật quy hoạch đô thị 2009; Điều 29 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật liên quan đến quy hoạch năm 2018; khoản 1, Điều 12 và khoản 2, Điều 13 Quyết định số 50/QĐ-UBND ngày 12/7/2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bước 1: Cơ quan tổ chức lập đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch nộp hồ sơ tại Sở Xây dựng.

- Bước 2: Sở Xây dựng thẩm định hồ sơ trình Ủy ban nhân Thành phố phê duyệt.

- Bước 3: Ủy ban nhân dân Thành phố ra quyết định phê duyệt.

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp và trực tuyến qua Hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc liên thông.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Theo Điều 10, Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và đồ án quy hoạch vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.

d) Thời hạn giải quyết: Thẩm định là 25 ngày làm việc, Phê duyệt: 15 ngày (Theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị)

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các cơ quan, đơn vị có liên quan

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND Thành phố

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Xây dựng

- Cơ quan phối hợp thực hiện thủ tục hành chính: UBND cấp quận/huyện

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt đính kèm thuyết minh và bản vẽ.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Theo quy định tại Thông tư 20/2019/TT-BXD ngày

31/12/2019 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai, mẫu quyết định: Không quy định

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;
 - Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;
 - Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014, sửa đổi bổ sung ngày 17 tháng 6 năm 2020;
 - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng
- cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;
- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
 - Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
 - Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13 tháng 5 năm 2013 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về nội dung thiết kế đô thị;
 - Thông tư số 10/2016/TT-BXD ngày 15 tháng 3 năm 2016 quy định về cấm mốc giới và quản lý mốc giới theo quy hoạch xây dựng;
 - Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và đồ án quy hoạch vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.
 - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

- Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13 tháng 5 năm 2013 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về nội dung thiết kế đô thị;
- Thông tư số 10/2016/TT-BXD ngày 15 tháng 3 năm 2016 quy định về cấm mốc giới và quản lý mốc giới theo quy hoạch xây dựng;
- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và đồ án quy hoạch vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.
- Thông tư số 35/2023/TT-BTC ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Bộ Tài chính.
- Quyết định số 28/2011/QĐ-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành quy định về điều chỉnh quy hoạch đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Quyết định số 50/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;
- Quyết định số 62/2012/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về sửa đổi một số điều của Quyết định số 50/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 về việc lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

8. Tên TTHC: Phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết đô thị thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh.

a) Trình tự thực hiện:

Căn cứ quy định điểm 2 khoản 7 Điều 29 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch 2018.

- Bước 1: Sở Xây dựng thẩm định hồ sơ trình Ủy ban nhân Thành phố phê duyệt.

- Bước 2: Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành quyết định phê duyệt.

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp và trực tuyến qua Hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc liên thông.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

03 bộ hồ sơ theo Quyết định số 2535/QĐ-UBND ngày 21/6/2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực quy hoạch - kiến trúc thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở Xây dựng.

d) Thời hạn giải quyết: 15 ngày (theo Điều 32 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị, Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng).

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND Thành phố

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Xây dựng

- Cơ quan phối hợp thực hiện thủ tục hành chính: Không.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt đính kèm thuyết minh và bản vẽ.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Theo quy định tại Thông tư 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai, mẫu quyết định: Không quy định

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Quy hoạch đô thị năm 2009;
- Luật Xây dựng năm 2014;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch;
- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;
- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010;
- Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;
- Thông tư 12/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng; Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về nội dung hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.

9. Tên TTHC: Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình không theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh

a) Trình tự thực hiện:

Căn cứ theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 31 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị:

- Bước 1: Cơ quan tổ chức lập nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh (cơ quan trình thẩm định) nộp hồ sơ tại Sở Xây dựng.

- Bước 2: Sở Xây dựng thẩm định hồ sơ trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt.

- Bước 3: Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành quyết định phê duyệt.

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp và trực tuyến qua Hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc liên thông.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ: theo quy định tại Điều 11, Điều 28 Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và đồ án quy hoạch vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

+ Số lượng: không quy định.

d) Thời hạn giải quyết: Thẩm định là 20 ngày, phê duyệt là 15 ngày (*Theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP* 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị)

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan tổ chức lập nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình không theo hình thức kinh doanh.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND Thành phố.

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Xây dựng.

- Cơ quan phối hợp thực hiện thủ tục hành chính: UBND cấp huyện.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Theo quy định tại Thông tư 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai, mẫu quyết định: Không quy định

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Quy hoạch đô thị 2009;
- Luật Xây dựng 2014;
- Luật Nhà ở 2023;
- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch;
- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ hướng dẫn về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;
- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và đồ án quy hoạch vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;
- Thông tư 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

10. Tên TTHC: Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình không theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh

a) Trình tự thực hiện:

Căn cứ theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 31 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị:

- Bước 1: Cơ quan tổ chức lập đồ án, đồ án điều chỉnh (cơ quan trình thẩm định) nộp hồ sơ tại Sở Xây dựng.

- Bước 2: Sở Xây dựng thẩm định hồ sơ trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt.

- Bước 3: Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành quyết định phê duyệt.

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp và trực tuyến qua Hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc liên thông.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ: Theo quy định tại Điều 12, Điều 29 Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và đồ án quy hoạch vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

+ Số lượng: không quy định.

d) Thời hạn giải quyết: Thẩm định là 25 ngày, phê duyệt là 15 ngày (*Theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP* 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị)

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan tổ chức lập đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình không theo hình thức kinh doanh.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND Thành phố

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Xây dựng

- Cơ quan phối hợp thực hiện thủ tục hành chính: UBND cấp huyện

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Theo quy định tại Thông tư 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai, mẫu quyết định: Không quy định

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Quy hoạch đô thị 2009;
- Luật Xây dựng 2014;
- Luật Nhà ở 2023;
- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch;
- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ hướng dẫn về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;
- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và đồ án quy hoạch vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;
- Thông tư 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

11. Tên TTHC: Thẩm định nhiệm vụ thiết kế đô thị riêng thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh**a) Trình tự thực hiện:**

Thực hiện theo khoản 1 điều 12 và khoản 2 điều 13 Quyết định số 50/2011/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh:

- Bước 1: Các cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ nộp hồ sơ tới Sở Xây dựng để thẩm định.

- Bước 2: Sở Xây dựng thẩm định và trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt nhiệm vụ thiết kế đô thị riêng thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân thành phố.

- Bước 3: UBND Thành phố ban hành quyết định phê duyệt.

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp và trực tuyến qua Hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc liên thông.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Theo mục 3 Hướng dẫn số 1383/HD-SQHKT ngày 14/4/2021 của Sở Xây dựng về thành phần nội dung hồ sơ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng trong công tác quản lý quy hoạch đô thị.

d) Thời hạn giải quyết: Thẩm định là 25 ngày, phê duyệt là 15 ngày (*Theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị*)

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan tổ chức lập nhiệm vụ thiết kế đô thị riêng.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND Thành phố

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Xây dựng

- Cơ quan phối hợp thực hiện thủ tục hành chính: các Sở Ban Ngành, quận huyện và các đơn vị liên quan theo quy định.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt đính kèm thuyết minh, bản vẽ và các tài liệu liên quan theo quy định.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Theo quy định tại Thông tư 20/2019/TT-BXD ngày

31/12/2019 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai, mẫu quyết định: Không quy định

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Quy hoạch đô thị năm 2009;
- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;
- Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn về nội dung Thiết kế đô thị;
- Thông tư số 16/2013/TT-BXD ngày 16/10/2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về bổ sung sửa đổi 1 số điều của Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 của Bộ Xây dựng;
- Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng về Hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

12. Văn bản ý kiến đối với Ủy ban nhân dân quận/huyện/Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh/Ban Quản lý Khu công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh trong quá trình phê duyệt quy hoạch đô thị

a) Trình tự thực hiện

Không quy định

b) Cách thức thực hiện: Thực hiện trực tiếp qua đường Văn thư và trực tuyến qua Hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc liên thông.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

Văn bản lấy ý kiến

d) Thời hạn giải quyết: Theo khoản 3 mục III, Chỉ thị số 24/2012/CT-UBND ngày 03/11/2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

“Quá thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản hỏi ý kiến, nhưng các Sở, ban, ngành không có ý kiến phản hồi thì xem như thống nhất với các số liệu, phương án đề xuất của đơn vị hỏi ý kiến; và khi triển khai thực hiện theo quy hoạch đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, mà các cơ quan, đơn vị có liên quan hoặc người dân tại địa phương có phản ánh vướng mắc, không phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương thì các Sở, ban, ngành đã được hỏi ý kiến phải chịu trách nhiệm.”

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Xây dựng

- Cơ quan phối hợp thực hiện thủ tục hành chính: Sở/ngành, Ủy ban nhân dân quận/huyện/Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh/Ban Quản lý Khu công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, các Ban chuyên ngành, tổ chức, cá nhân có liên quan khác.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Không quy định

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai, mẫu quyết định

Không quy định

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Không quy định

B. TTHC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN

1. Tên TTHC: Phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết đô thị thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện

a) Trình tự thực hiện: Không quy định.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định (do Phòng chuyên môn trình Lãnh đạo Ủy ban nhân dân quận, huyện)

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và đồ án quy hoạch vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.

d) Thời hạn giải quyết: 15 ngày (theo Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị, Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng).

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: UBND quận, huyện

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp huyện.
- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Phòng chuyên môn cấp huyện
- Cơ quan phối hợp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt đính kèm thuyết minh và bản vẽ.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai, mẫu quyết định: Không quy định

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Quy hoạch đô thị 2009;
- Luật Xây dựng 2014;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch năm 2018;
- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ hướng dẫn về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;
- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

2. Tên TTHC: Phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết đô thị thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện

a) Trình tự thực hiện: Không quy định.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định (do Phòng chuyên môn trình Lãnh đạo Ủy ban nhân dân quận, huyện)

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Theo quy định tại Điều 12 Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và đồ án quy hoạch vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.

d) Thời hạn giải quyết: 15 ngày *(theo Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị, Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng).*

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân quận, huyện

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp huyện
- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Phòng chuyên môn cấp huyện
- Cơ quan phối hợp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt đính kèm thuyết minh và bản vẽ.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai, mẫu quyết định: Không quy định

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Quy hoạch đô thị 2009;
- Luật Xây dựng 2014;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch năm 2018;

- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ hướng dẫn về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

3. Tên TTHC: Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình không theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện

a) Trình tự thực hiện: Không quy định.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định (do Phòng chuyên môn trình Lãnh đạo Ủy ban nhân dân quận, huyện)

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: *theo quy định tại Điều 11 và Điều 28 Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và đồ án quy hoạch vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.*

d) Thời hạn giải quyết: Thẩm định là 20 ngày, phê duyệt là 15 ngày (*Theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị*)

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp huyện
- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện.
- Cơ quan phối hợp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Theo quy định tại Thông tư 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai, mẫu quyết định: Không quy định

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Quy hoạch đô thị 2009;
- Luật Xây dựng 2014;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch

2018;

- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ hướng dẫn về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

4. Tên TTHC: Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình không theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện

a) Trình tự thực hiện: Không quy định.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định (do Phòng chuyên môn trình Lãnh đạo Ủy ban nhân dân quận, huyện).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Theo Điều 12 và Điều 29 Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và đồ án quy hoạch vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.

d) Thời hạn giải quyết: Thẩm định là 25 ngày, phê duyệt là 15 ngày (*Theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị*)

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện.

- Cơ quan phối hợp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Theo quy định tại Thông tư 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai, mẫu quyết định: Không quy định

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Quy hoạch đô thị 2009;

- Luật Xây dựng 2014;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch

2018;

- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ hướng dẫn về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1249/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực bưu chính
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 577/TTr-SKHCN ngày 31 tháng 3 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 07 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực bưu chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ.

Danh mục thủ tục hành chính được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố tại <https://hochiminhcity.gov.vn/chinhquyen> (CÔNG BỐ TTHC, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, Công bố thủ tục hành chính).

Điều 2. Giao Sở Khoa học và Công nghệ rà soát, đánh giá tiêu chí để cung cấp

dịch vụ công trực tuyến trong thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; xây dựng quy trình nội bộ giải quyết các thủ tục hành chính, tái cấu trúc quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính theo các phương án tại Quyết định số 1802/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố và cập nhật đầy đủ lên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

Bãi bỏ nội dung công bố các thủ tục tại Danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 2089/QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực bưu chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Thông tin và Truyền thông.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Võ Văn Hoan

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC BƯU CHÍNH
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
(Kèm theo Quyết định số 1249/QĐ-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

A. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở Khoa học và Công nghệ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Sửa đổi, bổ sung văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh (244 Điện Biên Phủ, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3)	Không có	- Luật Bưu chính ngày 28 tháng 6 năm 2010; - Nghị định số 47/2011/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số nội dung của Luật Bưu chính;
2	Cấp giấy phép bưu chính	20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh (244 Điện Biên Phủ, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3)	- Trường hợp thẩm định cấp phép lần đầu: 10.750.000 đồng. - Trường hợp chuyển nhượng toàn bộ doanh nghiệp do mua bán, sáp nhập doanh nghiệp: 4.250.000 đồng.	- Nghị định số 25/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 47/2011/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số nội dung của Luật Bưu chính;
3	Sửa đổi, bổ sung giấy phép bưu chính	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh (244 Điện Biên Phủ, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3)	- Trường hợp mở rộng phạm vi cung ứng dịch vụ nội tỉnh: 2.750.000 đồng; - Trường hợp thay đổi các nội dung khác trong giấy phép:	- Thông tư số 25/2020/TT-BTC ngày 14 tháng 4 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định chi tiết thi hành một số nội dung của Luật Bưu chính;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			Quận 3)	750.000 đồng.	2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 291/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động bưu chính;
4	Cấp lại giấy phép bưu chính khi hết hạn	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh (244 Điện Biên Phủ, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3)	5.375.000 đồng	- Quyết định số 882/QĐ-BTTTT ngày 10 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung lĩnh vực bưu chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông.
5	Cấp lại giấy phép bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh (244 Điện Biên Phủ, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3)	500.000 đồng.	- Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 20 tháng 02 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố về thành lập Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh.
6	Cấp văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh (244 Điện Biên Phủ, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3)	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp tự cung ứng dịch vụ phạm vi nội tỉnh: 1.250.000 đồng. - Trường hợp với chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính được thành lập theo pháp luật Việt Nam: 1.000.000 đồng. - Trường hợp chuyển nhượng toàn bộ doanh nghiệp do mua bán, sáp nhập doanh nghiệp: 1.250.000 đồng. 	- Quyết định số 33/2025/QĐ-

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
7	Cấp lại văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh (244 Điện Biên Phủ, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3)	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp cấp lại văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính nội tỉnh khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được: 500.000 đồng. - Trường hợp cấp lại văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính cho chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính được thành lập theo pháp luật Việt Nam khi bị mất hoặc hư hỏng, không sử dụng được: 500.000 đồng. 	UBND ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh.

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng